

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án: Sửa chữa đột xuất điểm đen tai nạn giao thông
Km80+920-Km81+800, Quốc lộ 12B, tỉnh Hòa Bình**

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG TỈNH HOÀ BÌNH

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ - CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 13/07/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ GTVT quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ; Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018;

Căn cứ Quyết định số 4191/QĐ-CĐBVN ngày 20/11/2024 của Cục Đường bộ Việt Nam về việc cho phép chuẩn bị đầu tư công trình Sửa chữa đột xuất điểm đen tai nạn giao thông Km80+920-Km81+800, Quốc lộ 12B, tỉnh Hòa Bình;

Căn cứ Quyết định số 22/2025/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Hoà Bình;

Căn cứ Công văn số 1396/CĐBVN-TCGT ngày 05/05/2025 của Cục Đường bộ Việt Nam về việc uỷ quyền phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tư công trình Sửa chữa đột xuất điểm đen tai nạn giao thông Km80+920-Km81+800, Quốc lộ 12B, tỉnh Hoà Bình;

Xét Tờ trình số 375/TTr-BQL ngày 17/3/2025 của Ban Quản lý dự án Xây dựng và Bảo trì công trình giao thông về việc thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa đột xuất điểm đen tai nạn giao thông Km80+920-Km81+800, Quốc lộ 12B, tỉnh Hoà Bình;

Trên cơ sở kết quả thẩm định của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 2510/SXD-QLCLCT ngày 16/5/2025 về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa đột xuất điểm đen tai nạn giao thông Km80+920-Km81+800, Quốc lộ 12B, tỉnh Hoà Bình;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý chất lượng công trình.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Sửa chữa đột xuất điểm đen tai nạn giao thông Km80+920-Km81+800, Quốc lộ 12B, tỉnh Hoà Bình, với nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Sửa chữa đột xuất điểm đen tai nạn giao thông Km80+920-Km81+800, Quốc lộ 12B, tỉnh Hoà Bình.

2. Người quyết định đầu tư: Cục trưởng Cục đường bộ Việt Nam .

3. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải tỉnh Hoà Bình.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng, giải pháp thiết kế:

4.1. Mục tiêu: Nhằm tăng cường đảm bảo an toàn giao thông, đảm bảo năng lực khai thác và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đoạn Km80+920-Km81+800, Quốc lộ 12B,, tỉnh Hoà Bình.

4.2. Quy mô đầu tư xây dựng:

Trên cơ sở quy mô hiện trạng đoạn Km80+920-Km81+800 Quốc lộ 12B, thực hiện sửa chữa như sau:

Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền mặt đường; cạp mở rộng cục bộ mặt đường; thẩm tăng cường toàn bộ mặt đường; vượt nổi êm thuận các đường nhánh; sửa chữa, bổ sung rãnh dọc và hoàn thiện, tăng cường hệ thống ATGT.

4.3. Giải pháp thiết kế:

4.3.1. Bình đồ: Không cải tạo bình đồ, tìm tuyến trên cơ sở tìm đường hiện hữu, tiến hành sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường, cạp mở rộng với tổng chiều dài $L = 913,2\text{m}$, gồm các đoạn từ: Km80+920 ÷ Km81+833,20

4.3.2. Trắc dọc:

- Đoạn từ lý trình Km80+920 ÷ Km81+833, chiều dài $L = 913,2\text{m}$: Cao độ thiết kế trên cơ sở cao độ mặt đường hiện tại cộng với chiều dày lớp thảm tăng cường và chiều dày bù vênh.

- Tại những điểm đổi dốc, thiết kế đường cong đứng tạo độ êm thuận trên cắt dọc.

4.3.3. Trắc ngang:

- Nền đường: Chiều rộng nền đường: $B_{\text{nền}} = (9,0 - 11,2)\text{m}$ theo hiện trạng; cấp mở rộng nền, mặt đường cục bộ đoạn Km81+511,22 – Km81+563,40 kết hợp với xây kè ốp mái.

- Mặt đường: Chiều rộng mặt đường $B_m = (5,6 - 9,5)$ theo hiện trạng; cấp mở rộng mặt đường cục bộ đoạn Km81+033,02 ÷ Km81+050,41 (bên trái), đoạn Km81+511,22 ÷ Km81+614,97. (bên trái) và đoạn Km81+511,22 ÷ Km81+563,40 (bên phải).

- Lề đường: Chiều rộng lề đường mỗi bên từ $(1,35 - 2,3)\text{m}$ (theo hiện trạng).

- Độ dốc ngang mặt đường $I_{\text{mặt}} = 2\%$ đối với mặt đường bê tông nhựa, lề đường đất $I_{\text{lề}} = 4\%$ và hoàn trả siêu cao trong đường cong.

4.3.4. Giải pháp sửa chữa hư hỏng mặt đường và gia cố lề:

Trên toàn đoạn từ Km80+920 ÷ Km81+833,2m, chiều dài $L=913,2\text{m}$, giải pháp sửa chữa như sau:

- Các vị trí mặt đường cũ bị nứt vỡ cục bộ: Tiến hành đào bóc lớp BTN bị hư hỏng với chiều sâu 7cm, vệ sinh và tiến hành tưới thấm bám bằng nhũ tương (CSS-1) TCN 1kg/m² và hoàn trả lớp BTNC19 dày 7cm (diện tích 1.339,6 m²).

- Các vị trí mặt đường cũ bị nứt vỡ mạnh, vênh vệt, suy yếu kết cấu mặt đường: Tiến hành đào bóc lớp BTN bị hư hỏng với chiều sâu 7cm, đào xử lý mặt móng cũ dày 40cm, cày xới lu lên K98, hoàn trả móng bằng cấp phối đá dăm dày 40cm chia thành 2 lớp (móng cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm; móng cấp phối đá dăm loại 2 dày 25cm), tưới dính thấm bám nhũ tương (RSS-1) TCN 1,0kg/m², hoàn trả lớp BTNC19 dày 7cm (diện tích 352,67 m²).

- Cấp mở rộng cục bộ mặt đường áp sát rãnh kín bê tông cốt thép đoạn từ Km81+033,02 ÷ Km81+050,41, chiều dài $L=17,39\text{m}$ (bên trái); Km81+511,22 ÷ Km81+614,97 chiều dài $L=103,75\text{m}$ (bên trái) và Km81+511,22 ÷ Km81+563,40 chiều dài $L= 52,18\text{m}$ (bên phải), kết cấu cấp mở rộng từ dưới lên trên như sau: Lớp đá dăm nước loại 2 dày 26cm, Láng nhựa 01 lớp tiêu chuẩn nhựa 1,8kg/m². Tổng chiều dài $L=173,32\text{m}$.

- Trên toàn bộ mặt đường sau khi sửa chữa các vị trí rạn nứt, hư hỏng cục bộ và cấp mở rộng mặt đường trên, tiến hành vệ sinh mặt đường, tưới dính bám nhũ tương (CRS-1) TCN 0,5kg/m², rải lớp mặt đường bê tông nhựa C16 dày 5cm kết hợp lớp bù vênh bê tông nhựa C16 dày trung bình 2,5cm (cá biệt các vị trí bù vênh dày hơn 3cm phải tiến hành bù vênh trước khi rải lớp mặt đường bê tông nhựa C16 dày 5cm).

- Xây dựng kè gia cố mái taluy âm đoạn Km81+511,22 ÷ Km81+563,40 chiều dài L= 52,18m (bên phải) kết cấu như sau: Thiết kế ốp mái taluy âm bằng bê tông xi măng mác 200, đá 1x2, dày 20cm, bố trí lưới thép $\Phi 8\text{mm}$, khoảng cách @ = (20x20)cm, trên lớp vữa đệm xi măng mác 75 dày 2cm; chân khay bằng bê tông xi măng mác 200, đá 2x4, dưới đệm đá dăm đầm chặt dày 10cm. Lắp đặt hoàn trả hộ lan tôn sóng.

4.3.5. Sửa chữa rãnh dọc:

- Thiết kế bổ sung rãnh dọc bằng rãnh kín bê tông cốt thép (BTCT) kích thước tiết diện lòng rãnh BxH = (60x105)cm, đổ trực tiếp với tổng chiều dài rãnh L = 118m, bao gồm đoạn lý trình: Km81+033 ÷ Km81+047, chiều dài L = 14m (bên trái); Km81+511 ÷ Km81+615, chiều dài L = 104m (bên trái). Kết cấu như sau: Thân rãnh, móng rãnh bằng BTCT mác 200, đá 1x2, lớp đệm móng bằng đá dăm dày 10cm; tấm nắp rãnh bằng BTCT mác 300, đá 1x2, đổ lắp ghép.

- Sửa chữa rãnh bị cũ hư hỏng, sập gãy lắp tắc bằng gạch đất sét nung kích thước lòng rãnh BxH =(60x80)cm với tổng chiều dài rãnh L=70,51m bao gồm lý trình Km81+050,41 ÷ Km81+052,5 chiều dài L=5.39m (bên trái), Km81+409,38 ÷ Km81+474,50 chiều dài L=65,12m (bên trái). Kết cấu như sau: Thân rãnh xây bằng gạch nung vữa xi măng cát vàng mác 100, móng rãnh bằng BTXM mác 200, đá 1x2, dày 15cm, lớp đệm móng bằng đá dăm dày 10cm; trát thân rãnh bằng vữa XMCV mác 100; tấm nắp rãnh bằng BTCT mác 300, đá 1x2, đổ lắp ghép.

- Sửa chữa nâng cao thành rãnh kín BTCT đảm bảo phù hợp với cao độ mặt đường sau sửa chữa với chiều cao trung bình H = 0,2m đoạn lý trình Km80+920,00 ÷ Km81+33,02 chiều dài L=113,02m (bên trái). Kết cấu xây dựng như sau: Khoan cắm thép neo D12 @=(20x20)cm, tạo nhám thành rãnh cũ, đổ bê tông nâng thành rãnh bằng BTCT mác 200, đá 1x2.

- Sửa chữa nâng cao thành rãnh xây gạch hiện có đảm bảo phù hợp với cao độ mặt đường sau sửa chữa tại đoạn lý trình Km80+953,80 ÷ Km81+086.36 chiều dài L=132,56m (bên phải); Km81+050,41 ÷ Km81+90.36 chiều dài L=37,85m (bên trái); Km81+134.46 ÷ Km81+163.72 chiều dài L=29.26m (bên phải); Km81+188.56 ÷ Km81+194.17, chiều dài L=5.61m (bên trái); Km81+218.35 ÷ Km81+233.64, chiều dài L=15,28m (bên trái); Km81+226.86 ÷ Km81+264.22 chiều dài L=37.35m (bên phải); Km81+244.68 ÷ Km81+505.78, chiều dài L=261,29m (bên phải); Km81+324.93 ÷ Km81+361.56, chiều dài L=36,63m (bên trái); Km81+398.66 ÷ Km81+409.38 chiều dài L=10.73m (bên trái); Km81+481.65 ÷ Km81+493.69 chiều dài L=12,04m (bên trái). Tổng chiều dài L=578,60m. Kết cấu nâng thành rãnh bằng BTCT mác 200, đá 1x2.

- Các vị trí rãnh do hộ dân đổ bê tông chèn hết tấm đan giữ nguyên cao độ rãnh hiện trạng, không nâng thành rãnh gồm các đoạn Km81+114.38 ÷ Km81+127.00 chiều dài L= 12,62m; Km81+146.77 ÷ Km81+208.27 chiều dài L= 61,50m (bên trái); Km81+276.87 ÷ Km81+288.90 chiều dài L=12,03m (bên phải); Km81+373.15 ÷ Km81+382.88 chiều dài L=9,74m (bên trái). Tổng chiều dài L= 95,89m. Đổ bù bê tông phụ lề đảm bảo hài hoà với cao độ mặt đường sau sửa chữa, kết cấu bằng bê tông xi măng mác 200, đá 1x2.

4.3.6. Sửa chữa cống:

- Sửa chữa nổi dài thượng lưu 01 vị trí cống bản BTCT Lo100. Kết cấu xây dựng: Móng cống bằng đá học bằng đá xây vữa xi măng 75; thân tường cống bằng đá học bằng đá xây vữa xi măng 100; trát vữa xi măng mác 100; tấm bản hồ thu bằng BTCT mác 300, đá 1x2; đắp đất móng, thân cống bằng đất cấp 3 đầm chặt $K \geq 0,95$.

4.3.7. Nút giao, đường giao:

- Sửa chữa vuốt nối đường giao cùng mức, dạng đơn giản. Kết cấu mặt đường: Tưới nhựa dính bám bằng nhũ tương tiêu chuẩn nhựa 0,5kg/m²; lớp thảm bê tông nhựa C16 dày 5cm.

4.3.8. Thiết kế 02 đèn tín hiệu cảnh báo nguy hiểm màu vàng: Cột đèn hình bát giác bằng tôn mạ kẽm dày 3mm, chiều cao cột H=4,4m, bóng chớp vàng 1xD300 pin mặt trời 20W và giá Pin, tủ điều khiển KT 350x350x180 (bao gồm: Bộ điều khiển sạc xả 10A, bộ chuyển đổi điện 4A, accui 17A và phụ kiện). Móng cột bằng bê tông xi măng mác 150.

4.3.9. Sửa chữa hệ thống an toàn giao thông:

- Thiết kế sơn vạch kẻ đường và gờ giảm tốc từ Km80+920 - Km81+833,2m phù hợp với mặt đường sau khi sửa chữa đảm bảo tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

Khối lượng chính gồm:

+ Sơn kẻ tìm đường trên toàn đoạn Km80+920 - Km81+833,2m bằng sơn dẻo nhiệt phản quang dày 2mm.

+ Bố trí 02 cụm sơn gờ giảm tốc bằng sơn dẻo nhiệt phản quang dày 4mm.

+ Bổ sung 11 cụm sơn mắt võng tại các nút giao với đường ngang bằng sơn phản quang, chiều dày vạch sơn 2mm

(Chi tiết trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công)

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình, tổ chức lập khảo sát xây dựng: Công ty TNHH VINA 28.

6. Địa điểm xây dựng, diện tích sử dụng đất:

- Địa điểm xây dựng: đoạn Km80+920-Km81+800, Quốc lộ 12B, tỉnh Hòa Bình.

- Diện tích sử dụng đất: Trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ hiện có.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính:

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C.

- Loại công trình: Sửa chữa công trình giao thông đường bộ.

- Cấp công trình: Công trình cấp IV.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Số bước thiết kế: 01 bước (thiết kế bản vẽ thi công).

- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Có Phụ lục kèm theo.

9. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

* Tổng mức đầu tư (dự toán xây dựng): **5.153.892.000 đồng.**

(Năm tỷ, một trăm năm mươi ba triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	4.104.348.000 đồng.
- Chi phí QLDA:	90.266.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	355.982.000 đồng.
- Chi phí khác:	134.760.000 đồng.
- Chi phí dự phòng:	468.536.000 đồng.

10. Tiến độ thực hiện dự án: Từ năm 2025.

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Vốn sự nghiệp chi hoạt động kinh tế đường bộ (ngân sách nhà nước).

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 878/QĐ-SGTVT ngày 22/11/2024 của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Hòa Bình (nay là Sở Xây dựng), Ban Quản lý dự án Xây dựng và Bảo trì công trình giao thông có trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo, theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng sở, Trưởng các phòng: Quản lý chất lượng công trình, Kế hoạch - Tài chính, Quản lý Kết cấu hạ tầng giao thông; Giám đốc Ban Quản lý dự án Xây dựng và Bảo trì công trình giao thông và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Đường bộ Việt Nam;
- Giám đốc Sở;
- PGĐ Sở Lê Ngọc Quân;
- Lưu: VT, QLCLCTGT_(ĐT).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tuấn Anh

Danh mục các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng
 (Gửi kèm Quyết định số /QĐ-SXD ngày /5/2025
 của Sở Xây dựng)

TT	Tên quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn	Mã hiệu
I	Khảo sát	
1	Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát	TCCS31:2020/TCĐBVN
2	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình	TCVN 9398:2012
3	Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình	96 TCN 43-90
4	Quy trình khảo sát thủy văn	22 TCN 220
II	Thiết kế	
1	Đường ô tô - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 4054-05
2	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2019/BGTVT
3	Tiêu chuẩn Quốc gia về màng phản quang dùng cho báo hiệu đường bộ	TCVN 7887:2018
4	Quy trình thiết kế lập tổ chức xây dựng và thiết kế thi công	TCVN 4252-88
5	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - TCTK	TCVN 5574-2012
6	Cát xây dựng	TCVN 337-86 :- TCVN 346-86
7	Cát xây dựng - Phương pháp xác định hàm lượng mica	TCVN 4376-86
8	Tiếng ồn khu vực công cộng và dân cư	TCVN 5949:1998
9	Áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS38:2022/TCĐBVN
III	Thi công và nghiệm thu	
1	Quy trình thí nghiệm xác định độ chặt nền đường, nền móng đường bằng phễu rót cát	22TCN 346-06
2	Tường chắn rọ đá trọng lực – Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu	TCCS 13 : 2016 TCĐBVN
3	Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu vải địa kỹ thuật trong xây dựng nền đắp trên nền đất yếu	TT 27/2014/TT-BGTVT
4	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng – Thi công và nghiệm thu	TCVN 13567-1,2,3:2022

5	Tiêu chuẩn Quốc gia phương pháp xác định độ hao mòn khi va đập trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006
6	Tiêu chuẩn Quốc gia phương pháp xác định hàm lượng hạt thoi dẹt	TCVN 7572-13:2006
7	Tiêu chuẩn Quốc gia phương pháp xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006
8	Tiêu chuẩn Quốc gia xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
9	Công tác đất quy phạm thi công nghiệm thu	TCVN 4447-2012
10	Đất xây dựng các phương pháp xác định tính chất cơ lí của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4195 ÷ 4202-2012
11	Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm xuyên tĩnh	TCVN 9352:2012
12	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011
13	Thi công và nghiệm thu các công tác nền móng	TCVN 9361:2012
14	Quy trình thí nghiệm bê tông xi măng	22TCN 60-84
15	Bê tông - Yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên	TCVN 8828:2011
16	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép. Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 9115:2012
17	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 7570:2006
18	Nước cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4506:2012
19	Cốt thép dùng cho bê tông	TCVN 1651:2008
20	Thép các bon cán nóng dùng cho xây dựng	TCVN 5709:1993
21	Xi măng - Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 4787-1989
22	Vữa xây dựng - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4314:2003
23	Nền đường ô tô - thi công và nghiệm thu	TCVN 9436:2012
24	Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng	TCVN 5308:1991

Và các tiêu chuẩn hiện hành có liên quan.

SỞ GIAO XÂY DỰNG HÒA BÌNH